CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
DN: E=hukaoko@gmail.com, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0300482241, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII, L="477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam", S=TP Hồ Chí Minh, C=VN
Reason: I am approving this document
Location: your signing location here
Date: 2022-08-25 16:44:10
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

Thành phố Hồ Chí Minh, tháng 8 năm 2022

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 56

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Lê Vũ Hoàng	Chủ tịch
Ông Rodrigo Emmanuel Franco	Phó Chủ tịch
Ông Lê Quốc Bình	Thành viên
Ông Dương Trường Hải	Thành viên
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Thành viên
Ông Christopher Daniel C. Lizo	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Trần Ngọc Tiến	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Dương Thị Long Nghi	Thành viên
Bà Lương Kim Diên An	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 1 tháng 2 năm 2022)
Ông Lê Trung Hiếu	Giám đốc Tài chính

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Văn Chính - Tổng Giám đốc Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế AGN International.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII

Nguyễn Văn Chính
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ
CHI NHÁNH SÀI GÒN
since 2001

Lầu 4, tòa nhà Hải Âu TIC, 39B Trường Sơn
Phường 4, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh
T : (+84 28) 7303 2007

Số: 1531/2022/BCKT-ICPA.SG

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 24 tháng 8 năm 2022 từ trang 4 đến trang 56, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả của cuộc soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo các Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề có yếu tố trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ theo kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

M.S.C.N: 0101177123-001-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN QUỐC TẾ - CHI NHÁNH SÀI GÒN
T.P HỒ CHÍ MINH

Lương Xuân Trường
Giám đốc Chi nhánh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1741-2018-072-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022 (Trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**979.076.305.595**	**795.969.711.535**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**V.1**	**204.283.216.973**	**182.456.553.643**
1. Tiền	111		53.177.424.434	32.056.553.643
2. Các khoản tương đương tiền	112		151.105.792.539	150.400.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**28.120.875.021**	**28.231.557.604**
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.12	28.120.875.021	28.231.557.604
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**702.166.576.624**	**532.526.962.764**
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	27.905.872.657	28.209.522.377
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	97.858.821.186	85.792.468.507
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	307.701.528.943	105.544.528.943
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	296.458.349.252	341.201.459.884
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(27.757.995.414)	(28.221.016.947)
IV. Hàng tồn kho	**140**	**V.7**	**25.701.043.150**	**26.034.647.618**
1. Hàng tồn kho	141		25.701.043.150	26.034.647.618
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**18.804.593.827**	**26.719.989.906**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	7.891.988.309	8.092.404.092
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		9.182.375.565	16.877.837.179
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.17	1.730.229.953	1.749.748.635

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022 (Trình bày lại)
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**11.811.755.725.644**	**11.382.196.997.177**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**		**2.194.104.005.802**	**1.796.758.602.375**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4	661.425.250.000	231.425.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5	1.532.678.755.802	1.565.333.352.375
II. Tài sản cố định	**220**		**7.098.659.057.478**	**7.280.084.283.087**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	10.642.511.569	11.604.706.542
- Nguyên giá	*222*		*32.111.362.791*	*32.039.026.391*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(21.468.851.222)*	*(20.434.319.849)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	7.088.016.545.909	7.268.479.576.545
- Nguyên giá	*228*		*8.878.819.553.603*	*8.840.544.498.479*
- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(1.790.803.007.694)*	*(1.572.064.921.934)*
III. Tài sản dở dang dài hạn	**240**		**50.124.817.736**	**41.849.505.358**
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	50.124.817.736	41.849.505.358
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	**250**	**V.12**	**831.980.460.387**	**831.594.007.099**
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.12	831.980.460.387	828.084.007.099
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.12	-	3.510.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	**260**		**1.636.887.384.241**	**1.431.910.599.258**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1.316.478.945.921	1.097.437.248.161
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	273.130.334.884	280.742.346.734
3. Lợi thế thương mại	269	V.14	47.278.103.436	53.731.004.363
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**12.790.832.031.239**	**12.178.166.708.712**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
C. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**8.024.274.667.508**	**7.489.928.508.899**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**2.254.901.727.260**	**1.396.774.183.163**
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.15	221.606.145.243	249.251.133.074
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.16	464.000.448.374	464.000.448.374
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.17	10.244.379.980	9.326.263.921
4. Phải trả người lao động	314		16.132.606.638	17.112.229.927
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	64.648.731.366	82.116.334.116
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		136.363.635	31.805.557
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	413.257.125.962	191.901.167.813
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	1.060.456.015.423	379.054.489.763
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.419.910.639	3.980.310.618
II. Nợ dài hạn	**330**		**5.769.372.940.248**	**6.093.154.325.736**
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	103.238.578.528	358.786.273.288
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	5.630.642.018.125	5.682.894.739.824
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	V.13	35.492.343.595	51.473.312.624
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**4.766.557.363.731**	**4.688.238.199.813**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**V.21**	**4.766.557.363.731**	**4.688.238.199.813**
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.928.547.650.000	1.928.547.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*1.928.547.650.000*	*1.928.547.650.000*
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.657.748.096	3.657.748.096
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		106.028.174.597	96.125.354.490
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.389.331.245.070	1.272.973.201.023
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	*421a*		*1.257.533.913.974*	*1.064.513.237.178*
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	*421b*		*131.797.331.096*	*208.459.963.845*
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		1.338.992.545.968	1.386.934.246.204
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		**12.790.832.031.239**	**12.178.166.708.712**

Phùng Thị Thắm	Lương Thị Thu Yến	Nguyễn Văn Chính
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**01**	**VI.1**	**707.882.440.786**	**557.274.491.488**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	46.051.124.424	30.419.086.472
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	**10**	**VI.1**	**661.831.316.362**	**526.855.405.016**
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	259.844.923.815	198.478.367.520
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	**20**		**401.986.392.547**	**328.377.037.496**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	40.059.156.429	111.131.386.768
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	167.245.422.349	117.006.027.539
- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*167.245.422.349*	*112.571.578.450*
8. Phần lãi/(lỗ) trong công ty liên doanh, liên kết	24	V.12	-	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	51.575.348.145	36.889.720.269
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	24.944.565.095	60.601.835.215
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) + 24 - (25 + 26)]	**30**		**198.280.213.387**	**225.010.841.241**
12. Thu nhập khác	31		61.489.899	54.545.454
13. Chi phí khác	32	VI.7	621.684.372	931.973.340
14. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	**40**		**(560.194.473)**	**(877.427.886)**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**197.720.018.914**	**224.133.413.355**
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	12.342.572.007	26.964.214.663
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52	V.13	(8.368.957.179)	(13.633.994.043)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	**60**		**193.746.404.086**	**210.803.192.735**
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		131.797.331.096	122.998.691.895
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		61.949.072.990	87.804.500.840
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**70**	**VI.10**	**674**	**631**

M.S.D.N: 0300482241 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ CẦU ĐƯỜNG CII
QUẬN 6 - TP. HỒ CHÍ MINH

Phùng Thị Thắm	Lương Thị Thu Yến	Nguyễn Văn Chính
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	**01**	**197.720.018.914**	**224.133.413.355**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định và phân bổ lợi thế thương mại	02	226.225.518.060	194.831.453.895
Các khoản dự phòng	03	(463.021.533)	(86.795.000)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(34.219.797.010)	(111.131.386.768)
Chi phí lãi vay	06	167.245.422.349	112.571.578.450
Các khoản điều chỉnh khác	07	40.211.765.005	30.419.086.472
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**596.719.905.785**	**450.737.350.404**
Giảm các khoản phải thu	09	8.404.389.130	19.292.107.841
Giảm hàng tồn kho	10	333.604.468	1.289.891.657
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(9.095.299.275)	9.566.280.748
Giảm/(tăng) chi phí trả trước	12	8.048.201.628	(25.976.314.643)
Tiền lãi vay đã trả	14	(432.139.648.808)	(207.222.835.708)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(10.603.738.098)	(56.536.288.094)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	13.385.465	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**161.680.800.295**	**191.150.192.205**
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(145.602.654.196)	(88.810.860.100)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(654.489.782.074)	(50.100.293.946)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	25.953.464.657	100.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.896.453.288)	(15.099.178.082)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	900.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.032.483.975	6.330.849.231
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**(769.002.940.926)**	**(146.679.482.897)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	1.649.018.263.792	259.347.146.077
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(1.019.869.459.831)	(282.821.709.103)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(34.730.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**629.148.803.961**	**(58.204.563.026)**
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	**50**	**21.826.663.330**	**(13.733.853.718)**
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	**60**	**182.456.553.643**	**170.577.216.218**
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	**70**	**204.283.216.973**	**156.843.362.500**

Phùng Thị Thắm	**Lương Thị Thu Yến**	**Nguyễn Văn Chính**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Cầu đường CII (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần Cơ khí Lữ Gia, một doanh nghiệp Nhà nước được thành lập năm 1978 theo Quyết định số 8032/QĐ-UB-KT ngày 28 tháng 12 năm 1999 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300482241 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu vào ngày 8 tháng 3 năm 2000 và thay đổi lần thứ 22 ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc thay đổi địa chỉ trụ sở chính của Công ty.

Vốn điều lệ của Công ty là 1.928.547.650.000 VND, được chia thành 192.854.765 cổ phần bằng nhau, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh ("CII"), trụ sở chính tại Tầng 12, 152 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ là 54,79%.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 477-479 An Dương Vương, Phường 11, Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: CII Bridges & Roads Investment Joint Stock Company, tên viết tắt là: CII Bridges & Roads.

Cổ phiếu của Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, mã cổ phiếu: LGC.

Tổng số nhân viên của Công ty và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 99 người (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 98 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty: lắp đặt hệ thống điện; sản xuất thiết bị điện khác; sửa chữa thiết bị điện; hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán buôn chuyên doanh khác; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; sản xuất các cấu kiện kim loại; sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại; lắp đặt hệ thống xây dựng khác; bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh; giáo dục nghề nghiệp; xây dựng công trình công ích khác; xây dựng công trình đường sắt; xây dựng công trình đường bộ; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; chuẩn bị mặt bằng; khai thác xử lý và cung cấp nước; lắp đặt hệ thống cấp thoát nước; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; các dịch vụ tăng cường sức khỏe.

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ là đầu tư và quản lý các công ty con hoạt động trong lĩnh vực đầu tư cầu đường; thi công xây lắp hệ thống thiết bị chiếu sáng công cộng, duy tu bảo dưỡng công trình công cộng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh của hoạt động đầu tư của Công ty bắt đầu từ thời điểm xin giấy phép đầu tư, thực hiện giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ bản cho đến thời điểm hoàn thành đưa vào sử dụng. Do vậy, chu kỳ sản xuất kinh doanh của các hoạt động này ước tính trong vòng từ 24 tháng đến 60 tháng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của các hoạt động khác của Công ty thông thường được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Cấu trúc công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đang đầu tư vào các công ty con và công ty liên doanh như sau:

Tên công ty	30/06/2022		01/01/2022		Nơi thành lập và hoạt động	Hoạt động chính
	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)		
Công ty con						
1. Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Xa lộ Hà Nội	51%	51%	51%	51%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội
2. Công ty TNHH MTV BOT tỉnh Ninh Thuận	100%	100%	100%	100%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận
3. Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu	50,36%	50,71%	50,36%	50,71%	Tỉnh Bến Tre	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Rạch Miễu và mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60
4. Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên	51%	51%	51%	51%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng cầu Cổ Chiên nối tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre
5. Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư vào các công ty dự án cầu đường
6. Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Xây dựng Ninh Thuận	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm
7. Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG *(Đầu tư gián tiếp thông qua Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình)*	99,99%	99,99%	99,99%	99,99%	Tỉnh Bình Dương	Đầu tư dự án B.O.T nâng cấp mở rộng đường ĐT 741
8. Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu Sài Gòn	89,98%	89,98%	89,98%	89,98%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư xây dựng dự án B.T Cầu Sài Gòn
Công ty liên doanh						
1. Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	50%	50%	50%	50%	Tp. Hồ Chí Minh	Đầu tư dự án B.O.T xây dựng đường cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (tiếp theo)

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC và Thông tư số 202/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán giữa niên độ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt trong phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản thuần được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Ảnh hưởng của các giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty trong các công ty con nhưng không làm mất đi quyền kiểm soát được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thoả thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phát sinh phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Góp vốn liên doanh (tiếp theo)

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Bất kỳ lợi thế kinh doanh nào có được từ việc mua lại phần góp vốn của Công ty tại đơn vị góp vốn liên doanh đồng kiểm soát được kế toán phù hợp với chính sách kế toán của Công ty liên quan đến lợi thế thương mại có được từ việc mua cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư.

Lợi thế thương mại từ việc mua công ty con được coi là một loại tài sản vô hình, được trình bày riêng như một loại tài sản dài hạn khác trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm. Định kỳ, Công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con. Nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế kinh doanh có được từ việc mua công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được tính vào giá trị ghi sổ của công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty không phân bổ dần khoản lợi thế thương mại này.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các khoản cho vay theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được giao dịch mua bán trên thị trường như chứng khoán.

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho khác được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất không được tính vào chi phí được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến khi hàng được thanh lý.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ báo cáo được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, trong đó phát sinh chủ yếu bao gồm chi phí lãi vay của dự án B.O.T chờ phân bổ, chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí đi vay của các dự án B.O.T là chi phí của các khoản vay trực tiếp đầu tư vào dự án nhưng không được vốn hóa vào nguyên giá tài sản hoặc chi phí lãi vay phát sinh trong giai đoạn khai thác hoàn vốn đầu tư. Các chi phí này được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ doanh thu thu phí khi dự án bắt đầu đi vào hoạt động đối với các dự án Công ty làm chủ đầu tư.

Các khoản chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường theo quy định của hợp đồng B.O.T được phân bổ theo thời gian sửa chữa, trung tu định kỳ của từng dự án.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Chi phí trả trước (tiếp theo)

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng từ một đến ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50
Máy móc, thiết bị	5 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm giá trị quyền thu phí giao thông, quyền sử dụng đất và chương trình phần mềm.

Quyền thu phí giao thông là tài sản cố định vô hình có được từ hợp đồng B.O.T được ký giữa Công ty với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Nguyên giá của tài sản được xác định theo giá trị quyết toán của dự án trên cơ sở là các chi phí mà Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư vào dự án và được Nhà nước chấp thuận. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo tỷ trọng doanh thu. Giá trị trích khấu hao hàng năm được tính bằng nguyên giá nhân với tỷ lệ doanh thu thu được hàng năm so với tổng doanh thu ước tính.

Quyền thu phí giao thông mà Công ty có được thông qua việc mua lại công ty con được vốn hóa và ghi nhận như một tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các quyền thu phí có được từ việc hợp nhất kinh doanh, được xác định bằng cách sử dụng phương pháp chiết khấu dòng tiền thu phí trong tương lai, giá trị của quyền thu phí được định giá sau khi đã trừ đi phần giá trị hợp lý cho các tài sản góp phần tạo ra luồng lưu chuyển tiền đó. Phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ của tài sản tại ngày hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thu phí giao thông còn lại kể từ thời điểm hợp nhất kinh doanh của dự án.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành không tính khấu hao.

Phần mềm máy vi tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 3 đến 8 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản cố định vô hình là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Phải trả người bán bao gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ các giao dịch mua - bán và các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác). Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn, dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận theo số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ của Công ty trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Cổ tức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên và khi có thông báo chia cổ tức gửi đến các cổ đông của Công ty.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Ghi nhận vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập căn cứ vào điều lệ của Công ty và sự phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
(d) Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán hợp nhất; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu phí giao thông đường bộ

Doanh thu từ hoạt động thu phí giao thông đường bộ được ghi nhận dựa trên doanh số bán vé theo mức phí quy định của Nhà nước áp dụng trên mỗi tuyến đường hoặc cầu mà Công ty được phép thu để hoàn vốn đầu tư các dự án B.O.T.

Doanh thu lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T

Lãi bảo toàn vốn chủ các dự án B.O.T được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư vốn chủ sở hữu Công ty đầu tư vào dự án và tỷ suất lợi nhuận định mức theo quy định của hợp đồng B.O.T. Khoản lợi nhuận này sẽ được giảm trừ dần vào doanh thu thu phí giao thông hàng năm của dự án. Công ty áp dụng hướng dẫn của Bộ Tài chính trong việc ghi nhận khoản lãi bảo toàn vốn chủ này.

Doanh thu tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Doanh thu tài chính (tiếp theo)

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được và doanh thu từ cổ tức bằng cổ phiếu.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng *(xem chi tiết dưới đây)*.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Ghi nhận giá vốn

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận theo giá trị thực tế phát sinh và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng. Các chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho và dịch vụ cung cấp được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí đi vay trong giai đoạn khai thác hoàn vốn của các dự án B.O.T được phân bổ theo tỷ lệ doanh thu thu phí giao thông nếu Công ty làm chủ đầu tư của dự án hoặc được ghi nhận theo thực tế phát sinh đối với các dự án do Công ty mua lại.

Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý thay vì là hình thức pháp lý.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là đầu tư hợp đồng B.O.T, thu phí giao thông, thi công lắp đặt và duy tu công trình, hoạt động khác và hoạt động theo khu vực địa lý bao gồm các tỉnh, thành sau: Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Tiền mặt	212.406.590	161.386.963
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	52.965.017.844	31.895.166.680
Các khoản tương đương tiền	151.105.792.539	150.400.000.000
Cộng	**204.283.216.973**	**182.456.553.643**

Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc dưới 3 tháng. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 bao gồm số tiền 15,5 tỷ đồng đã được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh thực hiện hợp đồng (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 15 tỷ đồng).

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Cường Thuận IDICO	7.300.776.974	7.300.776.974
Công ty Xây dựng số 9 - Công ty An Xuân Thịnh	3.744.703.767	3.744.703.767
Phải thu khách hàng khác	16.860.391.916	17.164.041.636
Cộng	**27.905.872.657**	**28.209.522.377**
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty CII	379.155.000	379.155.000
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	59.090.910	-
Cộng	**438.245.910**	**379.155.000**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Trả trước cho các nhà thầu thi công các dự án B.O.T	**94.745.380.999**	**78.438.006.548**
Công ty CII E&C	69.586.771.934	68.019.865.654
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	10.761.202.218	-
Các nhà thầu khác	14.397.406.847	10.418.140.894
Trả trước cho người bán về mua hàng hóa, dịch vụ và tài sản khác	**3.113.440.187**	**7.354.461.959**
Các nhà cung cấp khác	3.113.440.187	7.354.461.959
Cộng	**97.858.821.186**	**85.792.468.507**
Trong đó, trả trước cho các bên liên quan		
Công ty CII E&C	69.586.771.934	68.019.865.654
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	10.761.202.218	73.840.501
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	701.120.488	1.349.554.318
Cộng	**81.049.094.640**	**69.443.260.473**

4. Phải thu về cho vay

	30/06/2022 VND	01/01/2022 (Trình bày lại) VND
a. Ngắn hạn		
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm *(i)*	200.000.000.000	-
Công ty CII *(ii)*	104.701.528.943	97.701.528.943
Các đối tượng khác	3.000.000.000	7.843.000.000
Cộng	**307.701.528.943**	**105.544.528.943**
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy *(iii)*	400.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc *(iv)*	231.425.250.000	231.425.250.000
Công ty CII *(v)*	30.000.000.000	-
Cộng	**661.425.250.000**	**231.425.250.000**
Cộng các khoản phải thu về cho vay	**969.126.778.943**	**336.969.778.943**
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy *(iii)*	400.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm *(i)*	200.000.000.000	-
Công ty CII *(ii)*	134.701.528.943	97.701.528.943
Công ty CII E&C	3.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	-	5.943.000.000
Cộng	**737.701.528.943**	**103.644.528.943**

(i) Khoản phải thu về hợp tác kinh doanh với Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm thời hạn 12 tháng với lợi tức cố định được hưởng trong kỳ là 10,5%/năm. Tiền gốc và lợi tức sẽ được thanh toán vào thời điểm kết thúc hợp tác hoặc theo thỏa thuận.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

4. Phải thu về cho vay (tiếp theo)

(ii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty CII sẽ đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 với lãi suất được hưởng trong kỳ là 11%/năm.

(iii) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy với thời hạn hợp đồng là 20 năm kể từ ngày 18 tháng 2 năm 2022. Lãi suất cố định trong suốt thời hạn hợp đồng là 8,5%/năm. Tiền gốc và lãi được thanh toán vào thời điểm đáo hạn hoặc theo thỏa thuận.

(iv) Khoản hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc để Tuấn Lộc góp vốn vào Công ty BOT Trung Lương Mỹ Thuận (doanh nghiệp dự án BOT Trung Lương Mỹ Thuận). Khoản này được đảm bảo bằng chính cổ phần mà Tuấn Lộc sở hữu trong Doanh nghiệp dự án. Theo thỏa thuận, khi dự án hoàn thành đưa vào thu phí thì Công ty có quyền yêu cầu và Tuấn Lộc có nghĩa vụ phải chuyển nhượng cổ phần cho Công ty. Chi phí sử dụng vốn theo thỏa thuận giữa hai bên là 11%/năm và được thanh toán một lần vào ngày đáo hạn.

(v) Khoản hợp tác kinh doanh với hạn mức 100 tỷ đồng và thời hạn 24 tháng theo hợp đồng kỳ ngày 6 tháng 6 năm 2022 nhằm thực hiện và phát triển các hoạt động kinh doanh. Tỷ lệ lợi tức Công ty được hưởng là 8,5%/năm tính trên số tiền hợp tác đã chuyển. Tiền gốc và lợi tức sẽ được thanh toán vào thời điểm kết thúc hợp tác hoặc theo thỏa thuận.

5. Phải thu khác

	30/06/2022 VND	01/01/2022 (Trình bày lại) VND
a. Phải thu ngắn hạn		
Tạm ứng lợi nhuận *(i)*	129.238.644.845	201.468.637.017
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T *(ii)*	97.264.238.799	80.509.413.593
Phải thu người lao động	14.975.976.025	219.062.410
Công ty Cổ phần Thương mại Nước Giải khát Khánh An	10.432.603.510	10.432.603.510
Phải thu lãi cho vay, lãi tiền gửi	4.638.512.260	4.091.409.439
Phải thu doanh số thu phí giao thông thu hộ	4.274.419.055	2.576.875.060
Tạm hoàn trả vốn góp vào doanh nghiệp dự án cho các cổ đông	2.782.660.000	2.782.660.000
Các khoản phải thu khác	32.851.294.758	39.120.798.855
Cộng	**296.458.349.252**	**341.201.459.884**
b. Phải thu dài hạn		
Phải thu lãi vốn chủ dự án B.O.T *(ii)*	1.303.058.151.036	1.365.864.100.666
Phải thu lãi cho vay	184.376.924.519	159.736.714.305
Phải thu khoản lợi ích tài chính theo hợp đồng B.O.T *(iii)*	45.243.680.247	39.732.537.404
Cộng	**1.532.678.755.802**	**1.565.333.352.375**
Cộng các khoản phải thu khác	**1.829.137.105.054**	**1.906.534.812.259**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5. Phải thu khác (tiếp theo)

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Trong đó, phải thu các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	12.016.438.356	-
Công ty CII	2.951.757.534	2.777.100.000
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	1.272.856.500	1.957.017.375
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	665.095.890	-
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	205.168.500	674.900.000
Công ty CII E&C	7.500.000	-
Cộng phải thu bên liên quan	**17.118.816.780**	**5.409.017.375**

(i) Đây là khoản tạm ứng lợi nhuận của Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu cho nhà đầu tư ngoài công ty mẹ và sẽ được ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của công ty con này khi có quyết định chính thức về việc chia lợi nhuận.

(ii) Chi tiết số dư lãi bảo toàn vốn chủ của các dự án B.O.T như sau:

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	1.360.619.166.535	1.396.311.094.871
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	27.073.191.754	27.959.864.190
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	12.630.031.546	22.102.555.198
	1.400.322.389.835	**1.446.373.514.259**
Trừ: Giá trị sẽ giảm trừ vào doanh thu thu phí giao thông trong 12 tháng tới	(97.264.238.799)	(80.509.413.593)
Giá trị còn được giảm trừ sau 12 tháng tới	**1.303.058.151.036**	**1.365.864.100.666**

(iii) Lợi ích tài chính phát sinh theo hợp đồng B.O.T. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận *(xem thêm tại Thuyết minh số VI.3)*.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

6. Nợ xấu

	30/06/2022			01/01/2022		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	27.338.275.899	2.156.369.535	(25.181.906.364)	27.338.275.899	1.693.348.002	(25.644.927.897)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.654.374.749	-	(1.654.374.749)	1.654.374.749	-	(1.654.374.749)
Phải thu ngắn hạn khác	5.008.680.041	4.086.965.740	(921.714.301)	5.008.680.041	4.086.965.740	(921.714.301)
Cộng	**34.001.330.689**	**6.243.335.275**	**(27.757.995.414)**	**34.001.330.689**	**5.780.313.742**	**(28.221.016.947)**

Tình hình biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Số đầu kỳ	**(28.221.016.947)**	**(17.031.015.554)**
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	463.021.533	86.795.000
Số cuối kỳ	**(27.757.995.414)**	**(16.944.220.554)**

7. Hàng tồn kho

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.701.043.150	-	25.706.637.982	-
Chi phí đầu tư các dự án B.O.T chưa khai thác	*25.207.545.926*	-	*25.207.545.926*	-
Chi phí thi công, lắp đặt, duy tu dở dang	*493.497.224*	-	*499.092.056*	-
Hàng hóa	-	-	328.009.636	-
Cộng	**25.701.043.150**	**-**	**26.034.647.618**	**-**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa, duy tu cầu đường	6.889.448.208	7.731.609.093
Chi phí in vé cầu đường chờ phân bổ	635.428.183	344.025.001
Chi phí khác chờ phân bổ	367.111.918	16.769.998
Cộng	**7.891.988.309**	**8.092.404.092**
b. Dài hạn		
Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T *(i)*	1.211.157.279.555	1.034.158.250.342
Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường	86.934.169.510	43.277.099.035
Chi phí khác chờ phân bổ	18.387.496.856	20.001.898.784
	1.316.478.945.921	**1.097.437.248.161**
Cộng	**1.324.370.934.230**	**1.105.529.652.253**

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	Chi phí lãi vay chờ phân bổ các dự án B.O.T (i) VND	Chi phí sửa chữa, trung tu cầu đường VND	Chi phí khác chờ phân bổ VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	**725.191.545.549**	**23.623.488.952**	**24.635.680.349**	**773.450.714.850**
Chi phí trả trước phát sinh tăng trong kỳ	183.192.350.128	21.656.980.911	11.613.515.387	216.462.846.426
Phân bổ trong kỳ	(43.269.483.038)	(5.678.918.524)	(6.092.263.347)	(55.040.664.909)
Tại ngày 30/06/2021	**865.114.412.639**	**39.601.551.339**	**30.156.932.389**	**934.872.896.367**
Tại ngày 01/01/2022	**1.034.158.250.342**	**43.277.099.035**	**20.001.898.784**	**1.097.437.248.161**
Chi phí trả trước trong kỳ	271.618.266.477	56.343.725.352	2.611.855.191	330.573.847.020
Phân bổ trong kỳ	(94.619.237.264)	(12.686.654.877)	(4.226.257.119)	(111.532.149.260)
Tại ngày 30/06/2022	**1.211.157.279.555**	**86.934.169.510**	**18.387.496.856**	**1.316.478.945.921**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước (tiếp theo)

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
(i) Chi tiết lãi vay của các dự án B.O.T:		
Dự án mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua tỉnh Ninh Thuận	578.556.935.405	520.081.037.357
Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội	239.067.939.618	128.726.316.338
Dự án cầu Cổ Chiên	214.736.713.873	198.028.544.380
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	136.298.526.621	129.950.142.415
Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Thành phố Phan Rang - Tháp Chàm	42.497.164.038	57.372.209.852
Cộng	**1.211.157.279.555**	**1.034.158.250.342**

(i) Chi phí lãi vay các dự án B.O.T sẽ được phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo doanh thu thu phí giao thông của các dự án. Tỷ lệ phân bổ chi phí lãi vay hiện nay của Dự án mở rộng Quốc lộ 1, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2 là 12,46%; Dự án cầu Cổ Chiên là 22,74%; Dự án xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60 - Cầu Rạch Miễu là 22%; Dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A đoạn qua Tp. Phan Rang - Tháp Chàm là 18% và Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội là 8,66%. Tỷ lệ phân bổ của dự án đang đầu tư khác sẽ được xác định khi dự án chính thức thu phí hoàn vốn đầu tư.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2022	7.842.894.831	15.746.856.648	6.862.001.022	1.587.273.890	32.039.026.391
Mua trong kỳ	-	-	-	72.336.400	72.336.400
Tại ngày 30/06/2022	**7.842.894.831**	**15.746.856.648**	**6.862.001.022**	**1.659.610.290**	**32.111.362.791**
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2022	6.518.429.337	7.264.153.036	5.342.879.051	1.308.858.425	20.434.319.849
Khấu hao trong kỳ	77.634.666	708.469.203	233.082.448	15.345.056	1.034.531.373
Tại ngày 30/06/2022	**6.596.064.003**	**7.972.622.239**	**5.575.961.499**	**1.324.203.481**	**21.468.851.222**
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2022	1.324.465.494	8.482.703.612	1.519.121.971	278.415.465	11.604.706.542
Tại ngày 30/06/2022	**1.246.830.828**	**7.774.234.409**	**1.286.039.523**	**335.406.809**	**10.642.511.569**

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 16.415.474.326 VND (tại ngày 1 tháng 1 năm 2022: 13.836.520.229 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền thu phí giao thông VND	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2022	8.837.408.847.479	733.149.000	2.402.502.000	8.840.544.498.479
Đầu tư XDCB hoàn thành	38.288.440.589	-	-	38.288.440.589
Giảm khác	(13.385.465)	-	-	(13.385.465)
Tại ngày 30/06/2022	**8.875.683.902.603**	**733.149.000**	**2.402.502.000**	**8.878.819.553.603**
Giá trị hao mòn lũy kế				
Tại ngày 01/01/2022	1.571.353.481.954	-	711.439.980	1.572.064.921.934
Khấu hao trong kỳ	218.577.952.306	-	160.133.454	218.738.085.760
Tại ngày 30/06/2022	**1.789.931.434.260**	**-**	**871.573.434**	**1.790.803.007.694**
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2022	7.266.055.365.525	733.149.000	1.691.062.020	7.268.479.576.545
Tại ngày 30/06/2022	**7.085.752.468.343**	**733.149.000**	**1.530.928.566**	**7.088.016.545.909**

Thông tin về các dự án B.O.T đang được thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư như sau:

a. Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án Mở rộng Xa lộ Hà Nội và Quốc lộ 1, đoạn từ ngã ba Trạm 2 cũ đến nút giao Tân Vạn theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 3.333.322.983.404 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Sở Giao thông Vận tải Thành phố Hồ Chí Minh và phụ lục hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 7 năm 2018 với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Dự án chính thức khai thác thu phí hoàn vốn đầu tư từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2021. Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 17 năm 9 tháng. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 26,08%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

b. Dự án Mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh

Công ty được phép thu phí giao thông tại trạm cầu Rạch Miễu để hoàn vốn đầu tư dự án mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60, nối liền tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh. Nguyên giá của quyền thu phí tạm ghi nhận dựa trên các chi phí mà Công ty đã bỏ ra tính đến ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 1.120.436.031.106 đồng. Nguyên giá này sẽ được điều chỉnh khi Công ty thực hiện quyết toán với cơ quan Nhà Nước. Thời gian thu phí hoàn vốn ước tính khoảng 14 năm 8 tháng, bắt đầu từ 0h ngày 5 tháng 7 năm 2021. Công ty thực hiện khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ tạm tính là 45% và sẽ được điều chỉnh phù hợp sau khi có quyết toán và đăng ký tỷ lệ với cơ quan thuế. Hiện nay Công ty đang tiến hành các thủ tục quyết toán giá trị đầu tư của dự án với cơ quan Nhà nước.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

c. Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T với nguyên giá tạm xác định tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 1.644.334.550.401 đồng. Nguyên giá được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2014 với Bộ Giao thông Vận tải. Trạm thu phí Cà Ná đã chính thức được đưa vào thu phí từ thời điểm 0h ngày 1 tháng 4 năm 2017, thực hiện thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án này song song với thu phí hoàn vốn đầu tư vào dự án mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm *(thuyết minh bên dưới)* theo chỉ đạo của Bộ Giao thông Vận tải và Bộ Tài chính. Thời gian thu phí khoảng 19 năm 7 tháng và dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 10 năm 2036. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 16,02%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh và đăng ký lại khi giá trị đầu tư vào dự án được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết toán.

d. Dự án tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư mở rộng tuyến tránh Quốc lộ 1A, đoạn qua thành phố Phan Rang - Tháp Chàm với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 581.124.875.017 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 8 tháng 12 năm 2008 giữa Cục đường bộ Việt Nam và Liên doanh giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy. Việc thu phí đã chính thức được thực hiện từ thời điểm 0h ngày 20 tháng 5 năm 2013. Thời gian thu phí của dự án dự kiến sẽ kết thúc vào tháng 6 năm 2023. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 50%. Công ty đã đăng ký với Cục thuế Thành phố Hồ Chí Minh về phương pháp và tỷ lệ khấu hao. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

e. Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741

Quyền thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án đầu tư nâng cấp mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương, đoạn từ Km 0 + 000 đến Km 49 + 670,4, với nguyên giá là 672.113.302.847 đồng. Nguyên giá này được xác định dựa trên các chi phí Công ty đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký ngày 9 tháng 9 năm 2009 với Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương. Trạm thu phí đường ĐT741 chính thức được đưa vào thu phí hoàn vốn đầu tư đoạn Km 21 + 000 đến Km 49 + 670,4 từ ngày 1 tháng 8 năm 2006. Đoạn Km 0 + 000 đến Km 21 + 000 được xây dựng năm 2009 và chính thức đưa vào vận hành khai thác từ ngày 01 tháng 9 năm 2011. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 7,77%. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Tại ngày mua Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG, Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thuần của công ty con này. Theo đó, giá trị quyền thu phí giao thông được ghi nhận tăng lên 276.430.752.980 đồng, đây là khoản chênh lệch giữa giá trị do Công ty thực hiện đánh giá lại theo phương pháp chiết khấu dòng tiền thu được trong tương lai từ hoạt động thu phí so với giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con tại ngày hợp nhất kinh doanh. Giá trị tăng thêm này chỉ được ghi nhận vào Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ mà không có bất kỳ sự điều chỉnh nào cho giá trị ghi sổ của tài sản trên Báo cáo tài chính riêng của công ty con. Phần giá trị tăng thêm do đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 20 năm 3 tháng, phù hợp với thời gian thu phí còn lại của dự án tính từ thời điểm hợp nhất công ty con.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

f. Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên

Đây là quyền thu phí Công ty có được do hợp nhất Công ty TNHH Đầu tư Cổ Chiên, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư Dự án xây dựng cầu Cổ Chiên, Quốc lộ 60, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bến Tre. Nguyên giá của tài sản tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 là 752.313.769.586 đồng, được xác định dựa trên các chi phí đã bỏ ra để thực hiện đầu tư dự án theo hợp đồng B.O.T ký với Bộ Giao thông Vận tải. Dự án được đưa vào thu phí hoàn vốn kể từ ngày 1 tháng 9 năm 2016. Công ty được thu phí hoàn vốn trong khoảng 11 năm 4 tháng, thời gian thu phí này sẽ được quyết toán chính thức với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền trên cơ sở đảm bảo tỷ suất lãi vốn chủ sở hữu cho nhà đầu tư là 11,5%/năm theo hợp đồng BOT. Quyền thu phí giao thông được khấu hao theo doanh thu với tỷ lệ khấu hao hiện nay là 28,44% doanh thu thu phí của dự án. Tỷ lệ khấu hao có thể được điều chỉnh khi phương án tài chính của dự án thay đổi theo dòng tiền thu phí do cập nhật lưu lượng xe thực tế lưu thông trên tuyến đường.

Công ty cam kết sử dụng nguồn tiền có được từ hoạt động thu phí giao thông cùng với các lợi ích kinh tế khác có thể thu được từ các dự án B.O.T để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng *(chi tiết xem tại Thuyết minh số V.20).*

Dự án B.O.T kết thúc thu phí chờ thanh lý

Dự án đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu

Quyền thu phí giao thông để hoàn vốn đầu tư xây dựng cầu Rạch Miễu, đây là dự án đầu tư theo hình thức B.O.T có phần vốn hỗ trợ của Ngân sách Nhà Nước, được Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải phê duyệt. Công ty đã kết thúc thu phí hoàn vốn kể từ ngày 5 tháng 7 năm 2021 và đang thực hiện các thủ tục quyết toán dự án với cơ quan Nhà nước để làm cơ sở thanh lý hợp đồng B.O.T. Nguyên giá tài sản vô hình là quyền thu phí dự án cầu Rạch Miễu đã khấu hao hết chờ thanh lý là 495.607.637.262 đồng.

Nguyên giá của các tài sản cố định vô hình là phần mềm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 và tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 là 665.000.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Dự án Đầu tư xây dựng, nâng cấp mở rộng 4 đoạn tuyến Quốc lộ 60	33.125.627.535	33.125.627.535
Dự án B.O.T mở rộng nâng cấp đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương	16.999.190.201	8.723.877.823
Cộng	**50.124.817.736**	**41.849.505.358**

Tình hình biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Số dư đầu kỳ	**41.849.505.358**	**4.314.408.284.245**
Chi phí đầu tư trong kỳ	52.511.878.037	227.577.440.904
Kết chuyển sang tài sản cố định vô hình	(38.288.440.589)	(3.350.088.702.992)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(5.948.125.070)	(35.173.995.282)
Số dư cuối kỳ	**50.124.817.736**	**1.156.723.026.875**

12. Các khoản đầu tư tài chính

a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	28.120.875.021	28.231.557.604
Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	-	3.510.000.000
Tổng cộng	**28.120.875.021**	**31.741.557.604**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

12. Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

b. Đầu tư vào công ty liên doanh

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND	Giá gốc VND	Phần lợi nhuận sau ngày đầu tư VND
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	831.072.077.286	908.383.101	827.175.623.998	908.383.101
Cộng giá trị ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu		**831.980.460.387**		**828.084.007.099**

Giá trị hợp lý của các công ty liên doanh không được xác định để thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ do không có giá niêm yết trên thị trường. Các thông tin và giao dịch trên thị trường đối với khoản đầu tư này không có sẵn. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Trong kỳ, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào công ty liên doanh thay đổi như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Tại thời điểm đầu kỳ	828.084.007.099	810.005.197.647
Thay đổi trong kỳ	3.896.453.288	15.099.178.082
Góp vốn trong kỳ	*3.600.000.000*	*14.500.000.000*
Giá trị ghi sổ tăng trong kỳ	*296.453.288*	*599.178.082*
Tại thời điểm cuối kỳ	**831.980.460.387**	**825.104.375.729**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại

	Đánh giá lại giá trị tài sản thuần công ty con tại ngày mua *(i)*	Lãi vốn chủ dự án B.O.T *(ii)*	Dự phòng phải trả người lao động	Cộng
	VND	VND	VND	VND
a. Tài sản thuế hoãn lại				
Tại ngày 01/01/2021	**-**	**268.783.225.270**	**375.000.000**	**269.158.225.270**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	(13.633.994.043)	-	(13.633.994.043)
Tại ngày 30/06/2021	**-**	**282.417.219.313**	**375.000.000**	**282.792.219.313**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	2.049.872.579	-	2.049.872.579
Tại ngày 01/01/2022	**-**	**280.367.346.734**	**375.000.000**	**280.742.346.734**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	-	7.612.011.850	-	7.612.011.850
Tại ngày 30/06/2022	**-**	**272.755.334.884**	**375.000.000**	**273.130.334.884**
b. Thuế hoãn lại phải trả				
Tại ngày 01/01/2021	**113.429.975.232**	**-**	**-**	**113.429.975.232**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Tại ngày 30/06/2021	**113.429.975.232**	**-**	**-**	**113.429.975.232**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(61.956.662.608)	-	-	(61.956.662.608)
Tại ngày 01/01/2022	**51.473.312.624**	**-**	**-**	**51.473.312.624**
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%	20%	20%
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất	(15.980.969.029)	-	-	(15.980.969.029)
Tại ngày 30/06/2022	**35.492.343.595**	**-**	**-**	**35.492.343.595**
Tổng thu nhập thuần ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất				**(8.368.957.179)**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

13. Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế suất được sử dụng để tính thuế hoãn lại là thuế suất dự tính của kỳ tương lai khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán.

(i) Số dư cuối kỳ là thuế thu nhập hoãn lại phải trả từ việc đánh giá lại giá trị hợp lý của tài sản thuần của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG vào ngày hợp nhất kinh doanh. Khoản thuế thu nhập hoãn lại này được giảm trừ trực tiếp vào khoản lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ mà không được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, giá trị còn lại của phần nguyên giá tăng thêm là 177.461.717.975 đồng, tương ứng với số thuế hoãn lại phải trả là 35.492.343.595 đồng và sẽ được hoàn nhập dần theo giá trị khấu hao của quyền thu phí tăng thêm do đánh giá lại.

(ii) Theo hướng dẫn của Bộ Tài chính, khoản lãi bảo toàn vốn chủ được ghi nhận trong giai đoạn đầu tư sẽ được giảm trừ vào doanh thu thu phí của dự án khi dự án đi vào hoạt động. Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp đối với giá trị lãi vốn chủ đồng thời ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản lãi bảo toàn vốn chủ trong suốt thời gian đầu tư và sẽ được thu hồi dần trong suốt thời gian thu phí hoàn vốn tương ứng với giá trị giảm dần của lãi bảo toàn vốn chủ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, số dư lãi bảo toàn vốn chủ còn được khấu trừ trong tương lai là 1.373.249.198.081 (*chi tiết xem tại thuyết minh V.5*), tương ứng số thuế còn được khấu trừ là 272.755.334.884 đồng.

14. Lợi thế thương mại

	Giá trị ghi sổ VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2022 và ngày 30/06/2022	277.465.935.261
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2022	223.734.930.898
Phân bổ vào kết quả kinh doanh hợp nhất	6.452.900.927
Tại ngày 30/06/2022	**230.187.831.825**
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2022	53.731.004.363
Tại ngày 30/06/2022	**47.278.103.436**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

15. Phải trả người bán ngắn hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng thanh toán	Giá trị	Số có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND
Phải trả bên liên quan *(i)*	168.619.881.808	168.619.881.808	174.972.360.239	174.972.360.239
Các nhà cung cấp khác	52.986.263.435	52.986.263.435	74.278.772.835	74.278.772.835
Cộng	**221.606.145.243**	**221.606.145.243**	**249.251.133.074**	**249.251.133.074**
(i) Chi tiết phải trả cho các bên liên quan				
Công ty CII *(ii)*	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802	158.773.301.802
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	5.511.978.710	5.511.978.710	3.413.808.418	3.413.808.418
Công ty CII E&C	2.992.839.968	2.992.839.968	6.619.195.375	6.619.195.375
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	1.339.385.328	1.339.385.328	6.166.054.644	6.166.054.644
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	2.376.000	2.376.000	-	-
Cộng	**168.619.881.808**	**168.619.881.808**	**174.972.360.239**	**174.972.360.239**

(ii) Khoản phải trả cho Công ty CII về việc nhận chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận.

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty CII *(i)*	462.850.380.000	462.850.380.000
Các khách hàng khác	1.150.068.374	1.150.068.374
Cộng	**464.000.448.374**	**464.000.448.374**
Trong đó, người mua trả tiền trước là bên liên quan		
Công ty CII *(i)*	462.850.380.000	462.850.380.000

(i) Đây là khoản nhận tiền trước liên quan đến thỏa thuận nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận trong tương lai do Công ty đang sở hữu.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

17. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	01/01/2022	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2022
	VND	VND	VND	VND
a. Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.196.950.237	19.518.682	-	1.177.431.555
Thuế giá trị gia tăng	485.098.396	-	-	485.098.396
Các khoản khác	67.700.002	-	-	67.700.002
Cộng	**1.749.748.635**	**19.518.682**	**-**	**1.730.229.953**
b. Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.399.286.781	34.441.593.554	35.250.804.953	2.590.075.382
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.623.430.845	12.323.053.325	10.603.738.098	7.342.746.072
Thuế thu nhập cá nhân	303.546.295	1.033.867.766	1.238.513.713	98.900.348
Các khoản khác	-	475.474.535	262.816.357	212.658.178
Cộng	**9.326.263.921**	**48.273.989.180**	**47.355.873.121**	**10.244.379.980**

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	42.568.871.864	57.902.215.690
Trích trước chi phí duy tu, bảo dưỡng cầu đường	18.420.087.490	22.912.348.236
Chi phí phải trả khác	3.659.772.012	1.301.770.190
Cộng	**64.648.731.366**	**82.116.334.116**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

19. Phải trả khác

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả chi phí sử dụng vốn	213.043.919.909	35.741.764.593
Cổ tức phải trả	188.148.438.926	150.487.657.872
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.064.767.127	5.671.745.348
	413.257.125.962	**191.901.167.813**
b. Dài hạn		
Phải trả chi phí sử dụng vốn *(i)*	94.626.487.270	350.174.182.030
Nhận ký quỹ, ký cược	76.000.000	76.000.000
Các khoản thu hộ	8.536.091.258	8.536.091.258
	103.238.578.528	**358.786.273.288**
Cộng các khoản phải trả khác	**516.495.704.490**	**550.687.441.101**
Trong đó, phải trả các bên liên quan		
Công ty CII	495.697.869.842	536.285.954.692
Phải trả chi phí sử dụng vốn (i)	*307.670.407.179*	*385.915.946.623*
Cổ tức phải trả	*188.027.462.663*	*150.370.008.069*
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	447.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	76.000.000	76.000.000
Cộng	**496.220.869.842**	**536.361.954.692**

(i) Đây là khoản chi phí sử dụng vốn liên quan đến các hợp đồng vay dài hạn công ty mẹ để tài trợ cho các dự án B.O.T *(xem thêm tại thuyết minh số V.20)* và sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn của các khoản vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính

a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	30/06/2022		Phát sinh trong kỳ		01/01/2022	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty CII - Bên liên quan	**270.053.493.151**	**270.053.493.151**	**3.600.000.000**	**-**	**266.453.493.151**	**266.453.493.151**
Vay ngân hàng	**-**	**-**	**-**	**832.000.000**	**832.000.000**	**832.000.000**
Ngân hàng HDBank	-	-	-	832.000.000	832.000.000	832.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả						
(xem Thuyết minh b)	790.402.522.272	790.402.522.272			111.768.996.612	111.768.996.612
Cộng	**1.060.456.015.423**	**1.060.456.015.423**	**3.600.000.000**	**832.000.000**	**379.054.489.763**	**379.054.489.763**

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Công ty CII	221.583.493.151	3 năm	21/07/2023	Lãi suất trong kỳ là 11,5%	Hợp tác kinh doanh (có thể chấm dứt trước hạn khi có đề nghị của một trong hai bên)	Không có tài sản đảm bảo.
	48.470.000.000	1 năm	13/04/2023	Lãi suất trong kỳ là 10,5%	Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Không có tài sản đảm bảo.
	270.053.493.151					

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2022		Phát sinh trong kỳ		01/01/2022	
	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán	Tăng	Giảm	Nợ gốc	Giá trị có khả năng thanh toán
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngân hàng	**5.548.912.090.716**	**5.548.912.090.716**	**875.418.263.792**	**141.467.817.221**	**4.814.961.644.145**	**4.814.961.644.145**
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Thành phố Hồ Chí Minh	3.710.512.245.932	3.710.512.245.932	854.000.000.000	30.000.000.000	2.886.512.245.932	2.886.512.245.932
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	777.999.379.211	777.999.379.211	18.127.060.984	52.000.000.000	811.872.318.227	811.872.318.227
Ngân hàng BIDV - CN Thành phố Hồ Chí Minh	598.948.126.480	598.948.126.480	-	13.996.000.000	612.944.126.480	612.944.126.480
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	461.452.339.093	461.452.339.093	3.291.202.808	45.471.817.221	503.632.953.506	503.632.953.506
Công ty CII - Bên liên quan	**872.132.449.681**	**872.132.449.681**	**770.000.000.000**	**877.569.642.610**	**979.702.092.291**	**979.702.092.291**
Trừ: Số phải trả trong 12 tháng tới	(790.402.522.272)	(790.402.522.272)			(111.768.996.612)	(111.768.996.612)
Cộng	**5.630.642.018.125**	**5.630.642.018.125**	**1.645.418.263.792**	**1.019.037.459.831**	**5.682.894.739.824**	**5.682.894.739.824**

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng Vietinbank - CN 11, Thành phố Hồ Chí Minh	2.486.239.113.789	15 năm	31/12/2029	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9%-9,5%	Đầu tư xây dựng Dự án mở rộng Xa lộ Hà Nội theo hình thức hợp đồng B.O.T	Toàn bộ quyền quản lý, thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội, quyền thụ hưởng bảo hiểm mọi rủi ro liên quan đến thi công và xây lắp trong thời gian xây dựng của dự án.
	1.224.273.132.143	15 năm	13/02/2030	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9%-9,5%	Tài trợ cho Dự án mở rộng Quốc lộ 1 đoạn qua tỉnh Ninh Thuận theo hình thức hợp đồng B.O.T, giai đoạn 2	Các lợi ích kinh tế mà Công ty có thể thu được từ dự án.
	3.710.512.245.932					
Công ty CII	415.106.000.000	3 năm	28/02/2023	Lãi suất trong kỳ là 10,5%	Tài trợ kinh phí cho dự án B.O.T mở rộng Xa lộ Hà Nội.	Không có tài sản đảm bảo.
	400.000.000.000	20 năm	22/02/2042	Lãi suất trong kỳ là 8,5%	Thực hiện và phát triển hoạt động kinh doanh	Không có tài sản đảm bảo.
	57.026.449.681	9 năm	13/04/2024	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 4,25%	Góp vốn vào Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận và hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc	Cổ phần của Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận mà Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tuấn Lộc sở hữu.
	872.132.449.681					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

Bên cho vay	Số dư vay	Thời hạn vay	Ngày đáo hạn	Lãi suất vay	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng BIDV - CN Bến Tre	777.999.379.211	15 năm	14/06/2033	Thả nổi,lãi suất trong kỳ là 8,4%	Đầu tư nâng cấp, mở rộng và xây dựng 4 đoạn tuyến quốc lộ 60 nối cầu Rạch Miễu đến cầu Cổ Chiên	Quyền thu phí của dự án và quyền đối với phần vốn góp của các Nhà đầu tư.
Ngân hàng BIDV - CN Thành phố Hồ Chí Minh	598.948.126.480	18 năm	21/04/2032	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9%-10%	Đầu tư xây dựng công trình Cầu Cổ Chiên	Quyền thu phí phát sinh từ dự án, quyền và lợi ích khác phát sinh từ hợp đồng B.O.T.
Ngân hàng Tiên Phong - CN Bến Thành	328.682.300.319	8 năm	29/07/2028	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9%-10,75%	Thanh toán khoản vay từ công ty CII theo hợp đồng hỗ trợ vốn số 27/2015/HĐ-CII	- Quyền thu phí dự án "Nâng cấp, mở rộng đường ĐT 741 tỉnh Bình Dương". - Toàn bộ phần vốn góp của Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình tại Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty Cổ phần Cầu đường Hiền An Bình. - Toàn bộ cổ phần của Công ty CIIBR tại Công ty TNHH BOT Cầu Rạch Miễu.
	83.383.000.000	3 năm	25/10/2023	Thả nổi, lãi suất trong kỳ là 9%-10,75%	Tái tài trợ khoản vay của Ngân hàng BIDV năm 2015 để mua lại phần vốn góp của Công ty TNHH MTV Đầu tư Hạ tầng VRG	
	21.758.699.681	3 năm	20/11/2023	Thả nổi, lãi suất trong kỳ dao động từ 9%-10,75%	Tài trợ kinh phí trung tu đường ĐT741 tỉnh Bình Dương	
	7.203.339.093	5 năm	26/04/2026	Thả nổi, lãi suất trong kỳ dao động từ 9%-10,05%	Tài trợ kinh phí cải tạo nâng cấp cầu Phước Hoà cũ đường ĐT741 tỉnh Bình Dương	
	20.425.000.000	5 năm	23/09/2026		Tài trợ kinh phí trung tu đợt 3 và lắp đặt dải phân cách đường ĐT741 tỉnh Bình Dương	
	461.452.339.093					

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

20. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

b. Vay dài hạn (tiếp theo)

Thông tin bổ sung cho các khoản vay dài hạn (tiếp theo)

Lịch thanh toán các khoản nợ vay dài hạn

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Trong vòng một năm	790.402.522.272	111.768.996.612
Trong năm thứ hai	567.488.637.567	1.112.842.179.836
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.924.818.732.049	1.719.660.972.463
Sau năm năm	3.138.334.648.509	2.850.391.587.525
	6.421.044.540.397	**5.794.663.736.436**
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(790.402.522.272)	(111.768.996.612)
Cộng	**5.630.642.018.125**	**5.682.894.739.824**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2021	**1.928.547.650.000**	**3.657.748.096**	**96.125.354.490**	**1.066.459.071.388**	**1.350.115.699.975**	**4.444.905.523.949**
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	122.998.691.895	87.804.500.840	210.803.192.735
Chia cổ tức	-	-	-	-	(53.982.010.599)	(53.982.010.599)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.945.834.210)	-	(1.945.834.210)
Tại ngày 30/06/2021	**1.928.547.650.000**	**3.657.748.096**	**96.125.354.490**	**1.187.511.929.073**	**1.383.938.190.216**	**4.599.780.871.875**
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	85.461.271.950	11.609.269.521	97.070.541.471
Chia cổ tức	-	-	-	-	(8.613.213.533)	(8.613.213.533)
Tại ngày 31/12/2021	**1.928.547.650.000**	**3.657.748.096**	**96.125.354.490**	**1.272.973.201.023**	**1.386.934.246.204**	**4.688.238.199.813**
Tại ngày 01/01/2022	**1.928.547.650.000**	**3.657.748.096**	**96.125.354.490**	**1.272.973.201.023**	**1.386.934.246.204**	**4.688.238.199.813**
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	131.797.331.096	61.949.072.990	193.746.404.086
Chia cổ tức	-	-	-	-	(109.890.773.226)	(109.890.773.226)
Trích lập các quỹ, thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	9.902.820.107	(15.439.287.049)	-	(5.536.466.942)
Tại ngày 30/06/2022	**1.928.547.650.000**	**3.657.748.096**	**106.028.174.597**	**1.389.331.245.070**	**1.338.992.545.968**	**4.766.557.363.731**

Công ty trích quỹ đầu tư phát triển và các quỹ khác từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 7 tháng 4 năm 2022.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b. Cổ phiếu

	30/06/2022 Cổ phiếu	01/01/2022 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Số lượng cổ phiếu đã mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.854.765	192.854.765
+ Cổ phiếu phổ thông	192.854.765	192.854.765
Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 VND/cổ phiếu		

c. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 7 tháng 4 năm 2022 đã thông qua việc chia cổ tức từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 với tỷ lệ tối thiểu 8% bằng tiền mặt và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định thời điểm chi trả tùy thuộc vào tình hình tài chính của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2021 cũng đã thông qua kế hoạch chia cổ tức năm 2022 với tỷ lệ dự kiến là 6%.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu thu phí giao thông	706.307.106.223	554.805.975.448
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.464.034.563	1.113.056.177
Doanh thu từ hoạt động thi công, xây lắp công trình	111.300.000	1.355.459.863
	707.882.440.786	**557.274.491.488**
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Hoàn nhập lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	(46.051.124.424)	(30.419.086.472)
	(46.051.124.424)	**(30.419.086.472)**
Doanh thu thuần	**661.831.316.362**	**526.855.405.016**
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với bên liên quan		
Công ty Cổ phần Hạ tầng Nước Sài Gòn	324.092.642	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

2. Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Giá vốn hoạt động thu phí giao thông	258.273.516.139	195.854.795.568
Giá vốn cung cấp dịch vụ	1.460.107.676	1.322.330.484
Giá vốn hoạt động thi công, xây lắp công trình	111.300.000	1.301.241.468
Cộng	**259.844.923.815**	**198.478.367.520**

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	34.219.797.010	19.433.343.607
Lợi ích tài chính của hợp đồng B.O.T *(i)*	5.839.359.419	1.100.051.648
Lãi bảo toàn vốn chủ sở hữu dự án B.O.T	-	90.597.991.513
Cộng	**40.059.156.429**	**111.131.386.768**
Trong đó, doanh thu phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy	12.016.438.356	-
Công ty CII	5.634.317.094	3.673.716.691
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	665.095.890	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	69.221.667	253.815.626
Công ty CII E&C	7.500.000	-
Cộng	**18.392.573.007**	**3.927.532.317**

(i) Trong Hợp đồng B.O.T Dự án đầu tư mở rộng Quốc lộ 1A, đoạn qua tỉnh Ninh Thuận thể hiện rằng lãi suất được áp dụng để tính thời gian hoàn vốn được lấy theo mức lãi suất cho vay trung hạn bình quân của 3 ngân hàng BIDV, ACB và EXIMBANK trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận. Công ty đã đàm phán được nguồn vốn vay với lãi suất vay thấp, do đó Công ty được hưởng một khoản lợi ích tài chính theo điều khoản lãi vay quy định trong hợp đồng B.O.T.

4. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí lãi vay	167.245.422.349	112.571.578.450
Lỗ chuyển nhượng các khoản đầu tư tài chính	-	4.434.449.089
Cộng	**167.245.422.349**	**117.006.027.539**
Trong đó, chi phí tài chính phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan		
Công ty CII	52.339.131.688	47.268.507.088
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	4.347.585.090	-
Cộng	**56.686.716.778**	**47.268.507.088**

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí dịch vụ thu hộ phí giao thông	43.284.979.345	27.479.276.137
Chi phí lương nhân viên	-	4.474.203.641
Các khoản chi phí bán hàng khác	8.290.368.800	4.936.240.491
Cộng	**51.575.348.145**	**36.889.720.269**
Trong đó, chi phí phát sinh từ giao dịch với các bên liên quan		
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	18.500.132.063	10.595.898.336
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	5.277.251.517	6.885.545.453
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	1.664.233.982	-
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	81.818.183	322.909.091
Công ty CII	81.818.182	40.909.091
Cộng	**25.605.253.927**	**17.845.261.971**

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Phân bổ lợi thế thương mại	6.452.900.927	6.452.900.926
Chi phí lương nhân viên	6.175.730.491	9.464.900.549
Chi phí công cụ, dụng cụ văn phòng	971.403.563	1.097.865.541
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.118.884.810	37.077.616.285
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(463.021.533)	(86.795.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.514.697.178	2.720.386.351
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.173.969.659	3.874.960.563
Cộng	**24.944.565.095**	**60.601.835.215**

7. Chi phí khác

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Phạt vi phạm hành chính, chậm nộp thuế, truy thu thuế	621.684.372	931.973.340

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Chi phí nhân công	11.390.736.792	13.361.519.259
Chi phí khấu hao tài sản cố định	220.649.952.304	188.378.552.969
Chi phí dịch vụ mua ngoài	88.856.931.937	39.786.118.458
Chi phí bằng tiền khác	4.734.953.205	3.596.707.501
Cộng	**325.632.574.238**	**245.122.898.187**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022		Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021	
	Hoạt động được ưu đãi thuế	Hoạt động không được ưu đãi thuế	Hoạt động được ưu đãi thuế	Hoạt động không được ưu đãi thuế
	VND	VND	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**220.925.592.533**	**(23.205.573.619)**	**210.434.116.967**	**13.699.296.388**
Các khoản điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	**199.752.655**	**49.589.651.166**	**1.010.668.133**	**71.771.287.713**
Phân bổ giá trị của quyền thu phí được định giá lại khi hợp nhất	-	6.825.450.690	-	35.897.363.008
Lợi thế thương mại phân bổ	-	6.452.900.927	-	6.452.900.926
Hoàn nhập lợi nhuận/lỗ chịu thuế bị bù trừ khi hợp nhất	-	34.965.350.432	-	23.321.540.520
Lỗ chuyển nhượng khoản đầu tư tài chính	-	-	-	4.434.449.089
Chi phí không hợp lý, hợp lệ	199.752.655	1.345.949.117	1.010.668.133	1.665.034.170
Tổng thu nhập chịu thuế	**221.125.345.188**	**26.384.077.547**	**211.444.785.100**	**85.470.584.101**
Lỗ tính thuế mang sang	-	-	-	-
Tổng thu nhập tính thuế	**221.125.345.188**	**26.384.077.547**	**211.444.785.100**	**85.470.584.101**
Thu nhập chịu thuế 20%	28.949.333.425	26.384.077.547	-	85.470.584.101
Thu nhập chịu thuế 10%	192.176.011.763	-	211.444.785.100	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**25.007.467.862**	**5.276.815.510**	**21.144.478.511**	**17.094.116.820**
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn *(i)*	(16.567.285.204)	-	(4.655.310.941)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm 50% *(i)*	(2.550.276.534)	-	(6.619.069.727)	-
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước	1.175.850.373	-	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	**7.065.756.497**	**5.276.815.510**	**9.870.097.843**	**17.094.116.820**
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		**12.342.572.007**		**26.964.214.663**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập tính thuế của các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường.

(i) Hoạt động đầu tư vào các dự án hạ tầng theo hợp đồng B.O.T và B.T được hưởng ưu đãi thuế theo quy định của luật thuế TNDN hiện hành. Cụ thể, thu nhập phát sinh từ các dự án đầu tư này được hưởng mức thuế suất ưu đãi là 10% trong vòng 15 năm, miễn thuế trong vòng 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	131.797.331.096	122.998.691.895
Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	(1.882.952.279)	(1.395.598.646)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông Công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	**129.914.378.817**	**121.603.093.249**
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ	192.854.765	192.854.765
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**674**	**631**

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu của kỳ so sánh đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ trước để phản ánh quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2021.

Số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi và thù lao kỳ này giảm trừ vào lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu được ước tính với tỷ lệ 1,5% lợi nhuận sau thuế trên báo cáo tài chính riêng theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022 đã được Đại hội cổ đông thông qua.

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ (mã số 33)		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	875.418.263.792	12.447.146.077
Tiền thu từ đi vay các Công ty trong tập đoàn	773.600.000.000	246.900.000.000
	1.649.018.263.792	**259.347.146.077**
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ (mã số 34)		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	142.299.817.221	57.861.709.103
Tiền trả nợ vay các Công ty trong tập đoàn	877.569.642.610	224.960.000.000
	1.019.869.459.831	**282.821.709.103**

2. Cam kết thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có hợp đồng thuê văn phòng không thể hủy ngang, theo đó khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu phải thu trong tương lai của hợp đồng cho thuê hoạt động như sau:

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
Trong vòng một năm	2.666.255.664	-
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	6.804.506.643	-
Cộng	**9.470.762.307**	**-**

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được chia thành các bộ phận khác nhau. Theo đó, báo cáo bộ phận chính yếu dựa trên loại hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Kết quả báo cáo bộ phận bao gồm: các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm: tài sản, nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các bộ phận hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm 3 bộ phận như sau: hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình; cung cấp dịch vụ; hoạt động thu phí giao thông. Hoạt động cụ thể của từng bộ phận kinh doanh như sau:

- Hoạt động thi công lắp đặt, duy tu công trình: thi công lắp đặt thiết bị các công trình chiếu sáng, duy tu bảo dưỡng các công trình công cộng;
- Hoạt động cung cấp dịch vụ: cho thuê văn phòng, kho bãi; tư vấn quản lý và khai thác thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng các công trình cầu đường theo hình thức hợp đồng B.O.T;
- Hoạt động thu phí giao thông: thu phí giao thông hoàn vốn đầu tư xây dựng dự án cầu đường theo hợp đồng B.O.T.

Công ty lập báo cáo bộ phận theo 3 bộ phận kinh doanh này. Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

	Hoạt động thu phí giao thông	Thi công lắp đặt, duy tu công trình	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	660.255.981.799	111.300.000	1.464.034.563	-	661.831.316.362
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	1.003.895.402	2.540.278.817	(3.544.174.219)	-
Cộng	**660.255.981.799**	**1.115.195.402**	**4.004.313.380**	**(3.544.174.219)**	**661.831.316.362**
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	258.273.516.139	111.300.000	1.460.107.676	-	259.844.923.815
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp giữa các bộ phận	-	1.003.895.402	-	(1.003.895.402)	-
Cộng	**258.273.516.139**	**1.115.195.402**	**1.460.107.676**	**(1.003.895.402)**	**259.844.923.815**
Lợi nhuận gộp bộ phận	**401.982.465.660**	**-**	**2.544.205.704**	**(2.540.278.817)**	**401.986.392.547**
Doanh thu hoạt động tài chính					40.059.156.429
Chi phí tài chính					167.245.422.349
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					-
Chi phí bán hàng					51.575.348.145
Chi phí quản lý doanh nghiệp					24.944.565.095
Thu nhập khác					61.489.899
Chi phí khác					621.684.372
Chi phí thuế TNDN hiện hành					12.342.572.007
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					(8.368.957.179)
Tổng lợi nhuận sau thuế					**193.746.404.086**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

	Hoạt động thu phí giao thông	Thi công lắp đặt, duy tu công trình	Cung cấp dịch vụ	Loại trừ giao dịch nội bộ	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần					
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	524.386.888.976	1.355.459.863	1.113.056.177	-	526.855.405.016
Cộng	**524.386.888.976**	**1.355.459.863**	**1.113.056.177**	**-**	**526.855.405.016**
Giá vốn					
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp ra bên ngoài	195.854.795.568	1.301.241.468	1.322.330.484	-	198.478.367.520
Cộng	**195.854.795.568**	**1.301.241.468**	**1.322.330.484**	**-**	**198.478.367.520**
Lợi nhuận gộp bộ phận	**328.532.093.408**	**54.218.395**	**(209.274.307)**	**-**	**328.377.037.496**
Doanh thu hoạt động tài chính					111.131.386.768
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết					-
Chi phí tài chính					117.006.027.539
Chi phí bán hàng					36.889.720.269
Chi phí quản lý doanh nghiệp					60.601.835.215
Thu nhập khác					54.545.454
Chi phí khác					931.973.340
Chi phí thuế TNDN hiện hành					26.964.214.663
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại					(13.633.994.043)
Tổng lợi nhuận sau thuế					**210.803.192.735**

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty hoạt động tại chủ yếu tại Thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Ninh Thuận, tỉnh Bến Tre, tỉnh Trà Vinh và tỉnh Bình Dương. Bộ phận quản lý, thi công lắp đặt duy tu công trình, cho thuê mặt bằng và tư vấn được đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh, hoạt động thu phí giao thông được thực hiện tại các tỉnh còn lại. Dưới đây là phân tích tài sản và nợ phải trả, doanh thu thuần, giá vốn và lợi nhuận gộp của Công ty theo khu vực địa lý, không tính đến xuất xứ của hàng hóa, dịch vụ:

	Thành phố Hồ Chí Minh VND	Tỉnh Ninh Thuận VND	Tỉnh Bến Tre VND	Tỉnh Bình Dương VND	Tỉnh Trà Vinh VND	Loại trừ nội bộ VND	Tổng cộng VND
Bảng cân đối kế toán							
Tại ngày 30/06/2022							
Tài sản ngắn hạn	1.231.807.682.706	36.569.041.068	309.283.747.566	9.003.701.764	6.178.565.315	(613.766.432.824)	979.076.305.595
Tài sản dài hạn	6.810.473.107.475	2.550.163.683.795	1.235.007.416.489	676.016.738.418	811.762.075.139	(271.667.295.672)	11.811.755.725.644
Nợ phải trả	5.646.978.855.079	1.641.305.415.370	811.868.973.907	204.732.968.536	605.730.566.212	(886.342.111.596)	8.024.274.667.508
Tại ngày 01/01/2022 (Trình bày lại)							
Tài sản ngắn hạn	925.104.738.573	56.337.158.520	456.146.285.415	19.067.236.463	11.519.232.497	(672.204.939.933)	795.969.711.535
Tài sản dài hạn	6.319.476.443.338	2.434.221.422.574	1.254.307.964.748	682.702.288.485	811.156.173.704	(119.667.295.672)	11.382.196.997.177
Nợ phải trả	4.962.764.260.531	1.566.624.451.715	869.552.480.348	252.338.994.082	631.428.940.928	(792.780.618.705)	7.489.928.508.899
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh							
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2022							
Doanh thu thuần	279.018.349.897	120.150.522.716	124.817.910.272	86.503.122.847	54.885.584.849	(3.544.174.219)	661.831.316.362
Giá vốn	100.821.341.047	68.179.347.742	58.475.842.984	15.907.602.615	16.460.789.427	-	259.844.923.815
Lợi nhuận gộp	178.197.008.850	51.971.174.974	66.342.067.288	70.595.520.232	38.424.795.422	(3.544.174.219)	401.986.392.547
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2021							
Doanh thu thuần	157.372.939.644	120.710.573.002	117.112.751.463	81.959.654.544	50.299.486.363	(600.000.000)	526.855.405.016
Giá vốn	76.743.220.825	68.765.830.700	27.005.808.507	15.537.756.702	10.425.750.786	-	198.478.367.520
Lợi nhuận gộp	80.629.718.819	51.944.742.302	90.106.942.956	66.421.897.842	39.873.735.577	(600.000.000)	328.377.037.496

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh (CII)	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần BOT Trung Lương - Mỹ Thuận	Công ty liên doanh
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đầu tư Cao ốc Điện Biên Phủ	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Kinh doanh Địa ốc Lữ Gia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Cầu đường Bình Triệu	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Vinaphil	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Đô thị xanh Sài Gòn Long Khánh	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII)	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Gia Lai	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Đankia	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp thoát nước Củ Chi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Đầu tư Nước SGN	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Enviro	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV NBB Quảng Ngãi	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy (NBB) *(i)*	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku *(ii)*	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Nước Tân Hiệp	Công ty liên kết của tập đoàn
Công ty Cổ phần nước Sài Gòn - An Khê	Công ty liên kết của tập đoàn

(i) Trong kỳ, Công ty CII đã thoái vốn một phần vốn, Công ty Cổ phần Đầu tư Năm Bảy Bảy trở thành công ty liên kết của CII.

(ii) Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn (SII), một công ty con của CII, đã thoái vốn một phần trong Công ty Cổ phần Cấp nước Sài Gòn - Pleiku từ công ty con trở thành công ty liên kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

4. Bên liên quan (tiếp theo)

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan đã được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Công ty còn có các giao dịch chủ yếu khác với các bên liên quan như sau:

	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Công ty CII		
Nhận tiền hợp tác đầu tư và hỗ trợ vốn	773.600.000.000	46.940.000.000
Thanh toán tiền hỗ trợ vốn	-	25.000.000.000
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	918.569.642.610	45.500.000.000
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	4.000.000.000	-
Cổ tức, lợi nhuận đã chia trong kỳ	37.657.454.593	52.446.249.937
Chi phí sử dụng vốn không được vốn hóa vào giá trị dự án	54.057.008.897	-
Chi phí sử dụng vốn được vốn hóa vào giá trị dự án	11.468.695.733	22.224.946.364
Trả lãi vay hỗ trợ vốn	196.330.357.390	-
Công ty CII E&C		
Chi phí thi công xây dựng công trình và trung tu, sửa chữa đường bộ	67.663.596.520	38.246.526.721
Chuyển tiền hỗ trợ vốn	3.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Hạ tầng CII		
Chi phí duy tu, sửa chữa bảo trì đường bộ	16.238.802.002	21.656.748.588
Thu hồi tiền hỗ trợ vốn	5.943.000.000	-
Thu tiền lãi hỗ trợ vốn	409.706.042	-
Công ty TNHH Dịch vụ MCSC		
Chi phí trung tu đường bộ	10.177.449.837	-
Chi phí sửa chữa bảo trì đường bộ	2.819.124.180	9.859.169.348
Chi phí duy tu, bảo dưỡng đường bộ	6.416.648.754	3.987.594.169
Công ty TNHH MTV Khu Bắc Thủ Thiêm		
Chuyển tiền hợp tác kinh doanh	200.000.000.000	-

Tiền lương, thưởng và các khoản thu nhập khác của Ban Tổng Giám đốc được hưởng trong kỳ:

Họ và tên	Chức vụ	Từ 01/01/2022 đến 30/06/2022 VND	Từ 01/01/2021 đến 30/06/2021 VND
Ông Nguyễn Văn Chính	Tổng Giám đốc	761.911.233	724.651.977
Ông Francis Gerard Elizaga Aberilla	Phó Tổng Giám đốc	448.058.517	419.852.252
Ông Nguyễn Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	192.062.501	-
Cộng		**1.402.032.251**	**1.144.504.229**

Trong kỳ, Công ty không chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

VII. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

5. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đã được kiểm toán và soát xét.

Một số số liệu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất đầu kỳ đã được phân loại lại để đảm bảo tính so sánh với số liệu cuối kỳ. Ảnh hưởng của việc phân loại lại đến số liệu báo cáo đầu kỳ của Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2021 (Số đã báo cáo)	Phân loại lại	31/12/2021 (Số trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**	**1.187.131.675.840**	**(391.161.964.305)**	**795.969.711.535**
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**923.688.927.069**	**(391.161.964.305)**	**532.526.962.764**
1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	336.969.778.943	(231.425.250.000)	105.544.528.943
2. Phải thu ngắn hạn khác	136	500.938.174.189	(159.736.714.305)	341.201.459.884
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**	**10.991.035.032.872**	**391.161.964.305**	**11.382.196.997.177**
I. Các khoản phải thu dài hạn	**210**	**1.405.596.638.070**	**391.161.964.305**	**1.796.758.602.375**
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	231.425.250.000	231.425.250.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	1.405.596.638.070	159.736.714.305	1.565.333.352.375

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cần được điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phùng Thị Thắm	**Lương Thị Thu Yến**	**Nguyễn Văn Chính**
Người lập biểu	**Kế toán trưởng**	**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 8 năm 2022